

Biểu 04/KHCN-NV

hành kèm theo Thông tư số 15/2018/TT-
BKHCN ngày 15/11/2018

Ban **NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG
NGHỆ**

(Từ ngày 01/01-31/12/2023)

- Đơn vị báo cáo: **Sở Khoa học và
Công nghệ Lạng Sơn**

- Đơn vị nhận báo cáo: **Cục Thông
tin KH&CN Quốc gia**

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Mã số	Tổng số	Trong đó: Số nhiệm vụ KH&CN chủ nhiệm là nữ	Tình trạng tiến hành			
				Số đang tiến hành		Số được thử nghiệm	Số đã đưa vào ứng dụng
				Số phê duyệt mới trong năm	Số chuyển tiếp từ năm trước		
A	B	1	2	3	4	5	6
1. Tổng số nhiệm vụ KH&CN	1	53	20	22	31	13	13
<i>Trong đó:</i> - Số đề tài/đề án KH&CN	2	50	17	22	28	13	13
- Số dự án KH&CN	3	3	3		3		
2. Chia theo cấp quản lý		0					
- Cấp quốc gia	4	4			4		
- Cấp bộ	5	0					
- Cấp tỉnh	6	49	17	22	27	13	13
- Cấp cơ sở	7	0					
3. Chia theo lĩnh vực nghiên cứu		0					
- Khoa học tự nhiên	9	0					
- Khoa học kỹ thuật và công nghệ	10	4	3	4	0	1	1
- Khoa học y, dược	11	4	1	3	1	3	3
- Khoa học nông nghiệp	12	28	8	7	21	4	4
- Khoa học xã hội	13	14	4	7	7	5	5
- Khoa học nhân văn	14	3	2	1	2	0	0
4. Chia theo mục tiêu kinh tế-xã hội		0					

- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác trái đất, khí quyển	15	0					
- Phát triển cơ sở hạ tầng và quy hoạch sử dụng đất	16	0					
- Phát triển sản xuất và công nghệ nông nghiệp	17	20	7	7	13	5	5
- Phát triển sản xuất và công nghệ công nghiệp	18	1		1			
- Phát triển, phân phối và sử dụng hợp lý năng lượng	19	0					
- Phát triển y tế và bảo vệ sức khỏe con người	20	4	1	3	1	3	3
- Phát triển giáo dục và đào tạo	21	2	1	1	1		
- Phát triển và bảo vệ môi trường	22	9	1	1	8		
- Phát triển xã hội và dịch vụ	23	9	4	4	5	3	3
- Thăm dò, nghiên cứu và khai thác vũ trụ	24	0					
- Nghiên cứu do các trường đại học cấp kinh phí	25	0					
- Nghiên cứu không định hướng ứng dụng	26	0					
- Nghiên cứu dân sự khác	27	3	2	1	2		
- Bảo đảm an ninh, quốc phòng	28	5	4	3	2	2	2